

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – S phúc**

Bản án số: 145/2018/DS-ST
Ngày : 07 – 8 – 2018
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự, dịch vụ bơm tưới”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Võ Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự, dịch vụ bơm tưới” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2018; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số:15/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2018/QĐ9ST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mộng H, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp P, xã AP, huyện B, tỉnh An Giang (Có mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương TH, là Luật sư của Công ty Luật A thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Hữu S (Hòa), sinh năm 1975 (Vắng mặt)

2.2 Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Tổ 01, ấp L, xã LS, huyện X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2017, nguyên đơn ông Nguyễn Mộng H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông H có cung cấp dịch vụ bơm tưới nước trồng sen vụ hè thu năm 2017 tại xã V, huyện B, tỉnh An Giang. Trong vụ hè thu năm 2017, vợ chồng ông Huỳnh Hữu S, bà Nguyễn Thị R có thuê 53 công đất để trồng sen tại xã V, huyện B, tỉnh An Giang. Đồng thời, ông S, bà R đã hợp đồng sử dụng bơm tưới loại B với giá dịch vụ là 25.000đ/công đất/cử bơm cho cả 53 công đất. Sau khi hợp đồng thì ông

H đã thực hiện bơm tưới 10 cử nước cho 40 công đất trồng sen của ông S, bà R, thành tiền là $25.000\text{đ}/\text{công}/\text{cử} \times 40 \text{ công} \times 10 \text{ cử nước} = 10.000.000\text{đ}$. Còn 13 công đất trồng sen còn lại, ông H đã phục vụ bơm tưới được 07 cử, thành tiền là $25.000.000\text{đ}/\text{công}/\text{cử} \times 13 \text{ công} \times 07 \text{ cử} = 2.275.000\text{đ}$. Tuy nhiên, kết thúc vụ hè thu năm 2017, ông S, bà R không thanh toán phí dịch vụ bơm tưới cho ông H. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Hữu S (R) và bà Nguyễn Thị R có trách nhiệm cùng thanh toán cho ông H tiền phí dịch vụ bơm tưới cho 53 công đất trồng sen vụ hè thu năm 2017 với tổng số tiền là 12.275.000đ.

- Các bị đơn Huỳnh Hữu S, Nguyễn Thị Hoa trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án như sau: Vợ chồng ông S thừa nhận là có sử dụng dịch vụ bơm tưới của ông H cho diện tích 53 công đất trồng sen tại ấp Văn Trà, xã V, huyện B, tỉnh An Giang nhưng cho rằng ông H chỉ phục vụ bơm tưới cho ông được 03 cử nước cho 53 công đất trồng sen, giá phục vụ chỉ là $20.000.000\text{đ}/\text{công}/\text{cử}$ nước. Cụ thể mùa Đông Xuân năm 2017 có sử dụng dịch vụ bơm tưới nước của ông H để bơm tưới cho 40 công đất trồng sen, đến mùa hè thu năm 2017 thì tiếp tục sử dụng dịch vụ bơm tưới của ông H để bơm tưới thêm 13 công đất trồng sen và đã trả xong tiền bơm tưới nước cho 40 công đất trồng sen của mùa Đông Xuân năm 2017. Vợ chồng ông S, bà R cho rằng chỉ còn nợ ông H tiền bơm nước của mùa hè thu năm 2017 là $53 \text{ công} \times 20.000.000\text{đ}/\text{công}/\text{cử} \times 03 \text{ cử}$ nước, chỉ đồng ý trả cho ông H 5.000.000đ vì cho rằng ông H không thực hiện việc bơm tưới nước đầy đủ cho diện tích đất trồng sen của vợ chồng ông S, bà R.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Mộng H: Ông H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.275.000đ. Chỉ yêu cầu các bị đơn S, R cùng có trách nhiệm thanh toán tiền bơm tưới nước còn nợ là 8.000.000đ.

- Bị đơn ông S, bà R trình bày: Vắng mặt không có lý do.

- Luật sư bảo vệ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày luận cứ bảo vệ: Thống nhất về thẩm quyền giải quyết tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp. Về nội dung tranh chấp, các bị đơn đều thừa nhận có giao kết hợp đồng bơm tưới nước với ông H để phục vụ bơm tưới cho 53 công đất trồng sen cho ông S, bà R; việc giao kết hợp đồng là có thật. Ông H quản lý đường nước và cung cấp dịch vụ bơm tưới nước trong diện 300 công đất tại xã V từ năm 1994, đảm bảo nước phục vụ đầy đủ được thể hiện ở chứng cứ là biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vào các ngày 06/02/2018 và 14/6/2018. Mặc dù, bị đơn ông S, bà R cho rằng ông H không bơm nước đầy đủ làm sen chết nhưng không có chứng cứ chứng minh, Tòa án tiến hành xác minh tại biên bản ngày 06/02/2018 thể hiện sen của bị đơn bị chết không rõ nguyên nhân. Như vậy, ông H đã cung cấp dịch vụ bơm tưới nước đầy đủ cho 53 công đất trồng sen cho bị đơn, cụ thể: 40 công đã bơm 10 cử nước, 13 công đã bơm 07 cử nước. Bị đơn cho rằng sử dụng nước từ đường nước của ông Mười Tươi nhưng 53 công đất hoàn toàn nằm trong diện bơm tưới của nguyên đơn, bị đơn tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng bơm tưới không đúng quy định theo Điều 520 của Bộ luật dân sự năm 2015, tự ý sử dụng đường nước của ông Mười Tươi nhằm mục đích không trả tiền

dịch vụ cho nguyên đơn là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 515 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán tiền dịch vụ còn nợ là hoàn toàn có căn cứ. Nguyên đơn điều chỉnh lại giá bơm tưới với giá 20.000đ/công cho cả 53 công đất, đồng thời đồng ý trừ khoản tiền mà các bị đơn yêu cầu ông Mười Tươi bơm nước thời gian 45 tiếng tính bằng tiền là 1.350.000đ, là có xem xét cho bị đơn và đã rút lại một phần khởi kiện với số tiền 4. 275.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 513, khoản 2 Điều 515, khoản 1 Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền dịch vụ bơm tưới còn nợ nguyên đơn là 8.000.000đ.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và các bị đơn thực tế có xác lập hợp đồng bơm tưới nước, theo đó nguyên đơn phục vụ bơm tưới nước cho 53 công đất trồng sen cho bị đơn. Việc bị đơn cho rằng nguyên đơn không bơm tưới nước cho diện tích 53 công đất trồng sen của nguyên đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh. Thực tế Tòa án tiến hành xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện đường nước ông H tiếp giáp trực tiếp với diện tích 53 công đất trồng sen của ông S, bà R và có cung cấp đầy đủ nước cho cả diện là 300 công đất, trong đó có phục vụ nước tưới cho 53 công đất trồng sen. Việc ông S, bà R cho rằng ông H không cung cấp nước đầy đủ, tự ý không sử dụng nước trong đường nước phục vụ của ông H là không phải lỗi của ông H. Ông H bơm tưới cho 53 công đất trồng sen của ông S, bà R của mùa vụ Hè thu và Đông Xuân năm 2017 đã xong nhưng ông S, bà R chưa trả tiền dịch vụ là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 515 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.275.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền dịch vụ bơm tưới mà bị đơn còn nợ nguyên đơn 8.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

[1.2] Bị đơn là ông S, bà R đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[1.3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Các bên đương sự xác lập hợp đồng dịch vụ bơm tưới nước vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, theo đó ông H thực hiện bơm nước diện tích 53 công đất trồng sen cho ông S, bà R và phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận. Căn cứ Điều 523 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ bơm tưới” và áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 giải quyết vụ án.

[1.4] Về người tham gia tố tụng: Ông S, bà R thuê đất của người khác để trồng sen. Tuy nhiên, ông H khởi kiện hợp đồng bơm tưới đối với ông S, bà R do không thanh toán tiền dịch vụ bơm tưới nước. Hội đồng xét xử xét thấy việc tranh chấp tranh không liên quan đến người có quyền sử dụng đất cho thuê nên không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; việc ông S, bà R thuê quyền sử dụng đất của người khác để trồng sen là quan hệ pháp luật độc lập, nếu giữa họ có tranh chấp về hợp đồng thuê quyền sử dụng đất thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tiền nợ là 8.000.000đ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ tưới tiêu:

- Về hợp đồng bơm tưới nước: Căn cứ vào biên bản giải quyết tranh chấp tại Ban áp V, xã Văn Trà, huyện B; lời khai của các bị đơn thừa nhận có sử dụng dịch vụ bơm tưới nước của ông H để phục vụ cho việc trồng sen. Như vậy, giữa ông S, bà R với ông H có xác lập hợp đồng bơm tưới cho 53 công đất trồng sen vào mùa Hè thu và Đông xuân năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, việc thỏa thuận được lập bằng văn bản tại Ban áp V, các bên đương sự đều thừa nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 513 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tuy các bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án có thừa nhận sử dụng dịch vụ bơm tưới của ông H nhưng chỉ đồng ý thanh toán cho ông H 5.000.000đ với lý do là ông H không bơm nước đầy đủ cho các bị đơn dẫn đến sen chết, các bị đơn phải thuê dịch vụ bơm nước của người khác để bơm tưới cho 53 công sen. Trên cơ sở ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các biên bản xác minh, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đường nước phục vụ bơm tưới của ông H vào các ngày 06/02/2018 và ngày 14/6/2018 thể hiện: Những hộ trong diện do đường nước ông H phục vụ đều xác định đường nước ông H phục vụ đầy đủ, đường nước lúc nào cũng có nước để phục vụ cho cả diện trong vùng, đường nước ông H tiếp giáp trực tiếp với 53 công đất trồng sen của ông S, bà R, việc bơm tưới bắt đầu phục vụ vào mùa hè thu năm 2017, mỗi tuần bơm nước 01 lần cho diện

tích 53 công đất trồng sen và cả diện trong vùng, thời hạn cho một mùa vụ sen dài hơn mùa vụ lúa nên số cử nước bơm tưới cho sen nhiều hơn cho lúa. Các bị đơn cho rằng ông H chỉ bơm 03 cử nước cho cả 53 công đất nhưng không có chứng cứ chứng minh, không phù hợp với điều kiện thực tế cho mùa vụ trồng sen. Đồng thời các bị đơn cho rằng do có gây cãi với ông H nên tự ý bế miệng nước lại, không sử dụng nước trong đường nước của ông H phục vụ, tự sử dụng đường nước của người khác là đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ với ông H nhưng không thông báo trước cho ông H một thời gian hợp lý để chấm dứt hợp đồng là lỗi của các bị đơn. Ngoài ra, Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ đường nước của ông Mười Tươi mà các bị đơn cho rằng đã sử dụng đường nước của ông Mười Tươi để tưới nước cho 53 công sen, cho thấy đường nước ông Mười Tươi không tiếp giáp trực tiếp với đất trồng sen của ông S, bà R nên không thể chảy trực tiếp vào đất trồng sen của ông S, bà R. Ngoài ra, các bị đơn không có chứng cứ gì khác để chứng minh, việc các bị đơn đồng ý trả 5.000.000đ nhưng không giải thích được đã chạy bao nhiêu cử nước do nguyên đơn cung cấp. Việc các bị đơn sử dụng dịch vụ bơm tưới của ông H phục vụ 53 công đất trồng sen vào mùa Hè thu và Đông xuân năm 2017, ông H đã bơm tưới nước đầy đủ (40 công x 10 cử nước, 13 công x 07 cử nước) nhưng ông S, bà R không thanh toán tiền dịch vụ là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 515 của Bộ luật dân sự năm 2015,. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với các quy định tại Điều 516, Điều 517, Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015. .

Tại phiên tòa, ông H xác định chỉ yêu cầu ông S, bà R trả 8.000.000đ. Vì ông H đã điều chỉnh lại giá dịch vụ là chỉ tính giá 20.000đ/công/cử nước; đồng ý trừ cho ông S, bà R số tiền 1.350.000đ do vợ chồng ông S, bà R có thuê ông Mười Tươi bơm nước cho 53 công sen bằng 45 giờ, một giờ bằng 30.000đ. Như vậy, $40 \text{ công} \times 20.000\text{đ}/\text{công}/\text{cử} \times 10 \text{ cử nước} = 8.000.000\text{đ}$; $13 \text{ công} \times 20.000\text{đ}/\text{công}/\text{cử} \times 07 \text{ cử nước} = 1.820.000\text{đ}$; tổng là $9.820.000\text{đ} - 1.350.000\text{đ} = 8.470.000\text{đ}$. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán 8.000.000đ là phù hợp và là có lợi cho các bị đơn.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 4.275.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[3.1] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3.2] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông S, bà R phải chịu chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền là 800.000đ, theo hai phiếu chi ngày 06/02/2018, 14/6/2018. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo phiếu thu ngày 15/01/2018 nên các bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn tổng số tiền chi phí tố tụng là 800.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 513, Điều 516, Điều 517, Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Mộng H đối với số tiền 4.275.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Mộng H đối với số tiền 8.000.000đ.

- Buộc các bị đơn Huỳnh Hữu S (R) và bà Nguyễn Thị R cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền dịch vụ bơm tưới nước còn nợ là 8.000.000đ cho nguyên đơn Nguyễn Mộng H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- + Các bị đơn Huỳnh Hữu S, Nguyễn Thị R phải hoàn trả chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn Nguyễn Mộng H là 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng).

- + Các bị đơn Huỳnh Hữu S, Nguyễn Thị R cùng phải chịu 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- + Nguyên đơn Nguyễn Mộng H được nhận lại 307.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: TU/2015/0017304 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND huyện CP;
- THA huyện CP;
- Đường sự (Đề thi hành);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh